

Bản án số: 21/2024/HSST

Ngày 16 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Thẩm phán: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân.

1. Ông Cầm Văn Chinh - Cán bộ hưu trí.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh – Nguyên là giáo viên.
3. Bà Vi Thị Bình - Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Sơn La.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/12/2024 và ngày 16/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Q, Tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/12/2006, sinh tại thành phố L, tỉnh N (tính đến thời điểm phạm tội ngày 02/9/2023, Trần Văn Q 16 tuổi 08 tháng 21 ngày); Nơi cư trú: Thôn E, xã P, thành phố L, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Trần Văn C, sinh năm 1967, con bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ; có 01 con trai sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 16/3/2024 cho đến nay “có mặt”.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn Q: Ông Trần Văn C, sinh năm 1967 (là bố đẻ bị cáo). Địa chỉ: thôn E, xã P, thành phố L, tỉnh N “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q: Ông Nguyễn Bá Linh - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La - Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, “có mặt”.

2. Lại Huyền T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/07/2006, sinh tại thành phố L, tỉnh N (tính đến thời điểm phạm tội ngày 15/3/2024, Lại Huyền T 17 tuổi 08 tháng 13 ngày); Nơi thường trú: Tổ X, phường HP, thành phố L, tỉnh N; Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố B1, phường C, thành phố L, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Lại Văn T2 sinh năm 1984, con bà Đào Thị V2 sinh năm 1984; chồng, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 16/3/2024 cho đến nay, “có mặt”.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lại Huyền T*: Bà Đào Thị V2, sinh năm 1984 (là mẹ đẻ của bị cáo). Địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện T, tỉnh Đ “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lại Huyền T*: Bà Trần Bích Liên - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La - Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La “có mặt”.

3. Tráng Thị N1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 09/11/2006, sinh tại huyện H, tỉnh Sơn La (tính đến ngày phạm tội ngày 15/3/2024, Tráng Thị N1 17 tuổi 04 tháng 06 ngày); nơi thường trú: bản PC, xã L, huyện M, Sơn La; nơi tạm trú: thôn C, xã H, huyện V, Y; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 02/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Tráng A R, sinh năm 1988, con bà Tráng Thị M4, sinh năm 1989; Chồng (bị cáo sống chung như vợ chồng với bị cáo Hạng Páo D), bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 03/8/2024 cho đến nay “có mặt”.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Tráng Thị N1*: Ông Tráng A Z, địa chỉ: bản PC, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La (là bác ruột bị cáo) “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tráng Thị N1*: Ông Đàm Mạnh Hùng - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La - Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, “có mặt”.

4. Trần Xuân H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 23/10/1991, sinh tại thành phố Đ, tỉnh Đ; Nơi cư trú: Tổ A, phường K, thành phố L, tỉnh N; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Cán bộ trung tâm quỹ đất huyện B; Trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B, tỉnh N, ngày 01/4/2024 đã bị Ủy ban kiểm tra huyện ủy Kim Bảng, tỉnh N ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng; Con ông Trần Xuân M, sinh năm 1962, con bà Lương Thị Thanh H2, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị M2, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2022. Tiền án: Không. Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự, ngày 09/9/2016 bị Công an phường L, Công an thành phố L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số: 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, phạt tiền 3.500.000 đồng, đến nay chưa thi

hành hình phạt tiền trên (Chưa được xóa tiền sự); Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 16/03/2024 cho đến nay “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân H:* Bà Trần Bích Liên - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Niềm Tin Công Lý - Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La “có mặt”.

5. Hạng Páo D, Tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/01/1998, sinh tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản PD, xã LS, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 0/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Hạng A S, sinh năm 1965, con bà Tráng Thị M3, sinh năm 1965; Vợ: (bị cáo sống chung như vợ chồng với bị cáo Tráng Thị N1); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Hạng Páo D hiện đang bị tạm giam trong một vụ án khác kể từ ngày 02/02/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hạng Páo D:* Ông Đàm Mạnh Hùng - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La - Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, “có mặt”.

6. Nguyễn Văn V, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/07/1987, sinh tại thành phố L, tỉnh N; Nơi cư trú: thôn T, xã B, thành phố L, Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/12; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Nguyễn Văn TR, sinh năm 1965, con bà Nguyễn Thị CH, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thu TH, sinh năm 1992; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án: Không; Tiền sự: Bị cáo có 02 tiền sự theo các Quyết định: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về an ninh trật tự số: 01/QĐ-XPHC ngày 06/01/2016 của Công an xã P, phạt tiền 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về an ninh trật tự số: 04/QĐ-XPHC ngày 06/8/2015 của Công an xã B, phạt tiền 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; đến thời điểm phạm tội, Nguyễn Văn V đều chưa nộp số tiền phạt của các Quyết định trên (Chưa được xóa tiền sự).

Nhân thân: Sau thời điểm phạm tội ngày 02/09/2024, Nguyễn Văn V còn bị xử phạt hành chính về các hành vi sau:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 01387/QĐ-XPHC ngày 27/12/2023 của Công an xã B, phạt tiền 1.250.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 231/QĐ-XPHC ngày 15/02/2024 của UBND tỉnh N đối với Nguyễn Văn V về hành vi Sử dụng các công cụ, phương tiện hoặc các vật dụng khác gây thương tích cho thành viên trong gia đình theo điểm a khoản 2 Điều 52 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giam kể từ ngày 21/07/2024, cho đến nay “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V:* Ông Lương Ngọc Chiến - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La “có mặt”.

7. Trần Thị P2, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/4/1990, sinh tại thành phố L, tỉnh N; Nơi cư trú: thôn E, xã P, thành phố L, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông: Trần Văn C, sinh năm 1967; con bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1970; chồng: Không có; con, bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án: Tại Bản án số: 113/2019/HS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N; Xử phạt bị cáo Trần Thị P2 36 tháng tù, phạt tiền 5.000.000 đồng, án phí HSST 200.000 đồng. Bị cáo đã nộp tiền án phí HSST và tiền phạt bổ sung của bản án trên ngày 14/11/2019. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/12/2021. (chưa được xóa án tích). Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N; Xử phạt bị cáo Trần Thị P2 48 tháng tù về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo hiện đang chấp hành án của Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N xử phạt 48 tháng về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 08/8/2024, Trần Thị P2 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sơn La trích xuất từ Trại giam số 06, Cục C10, Bộ Công an đến Trại tạm giam, Công an tỉnh Sơn La để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử cho đến nay “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị P2:* Ông Đỗ Văn Thuận - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đỗ Thuận - Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Nguyễn Thị Thu TH, sinh năm 1992, địa chỉ: thôn T, xã B, thành phố L, tỉnh N “vắng mặt”.

+ Anh Ngô Trung H3, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ O, phường Trần Hưng Đ, thành phố L, tỉnh N “có mặt”.

+ Anh Vũ Thanh N2, sinh năm 1994, địa chỉ: Số U, 134 Lê Công T, tổ X, phường Trần Hưng Đ, thành phố L, tỉnh N “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 21 giờ 30 ngày 15/3/2024, tổ công tác Công an huyện M, tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại khu vực bản KH, xã KH, huyện M, tỉnh Sơn La phát hiện Trần Văn Q, sinh ngày 12/12/2006 và Lại Huyền T, sinh ngày 02/7/2006 có hành vi tàng trữ trái phép 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 06 túi nilon (05 túi

màu xanh, 01 túi màu hồng) chứa các viên nén hình tròn màu hồng, Trang và Quyền khai nhận là ma túy hồng phiến cất giấu tàng trữ vận chuyển nhằm mục đích bán lại kiếm lời. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Văn Q và Lại Huyền T.

Ngoài ra Cơ quan Công an còn tạm giữ của Trần Văn Q: 01 xe máy BKS 90B2-343.15, 02 điện thoại di động (01 nhãn hiệu MASSTEL, 01 nhãn hiệu Iphone 5S).

Hồi 03 giờ 20 ngày 16/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện M đã thành lập hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng, trích mẫu giám định vật chứng thu giữ trong vụ án, kết quả: Số viên nén màu hồng thu giữ trong 06 túi nilon là 1.158 viên, tổng khối lượng 110,33 gam. Trích mỗi túi 05 viên khối lượng 3,32 gam làm mẫu gửi giám định chất ma túy, đánh ký hiệu từ Q1 đến Q6.

Tại bản kết luận giám định số: 709/KL-KTHS ngày 19/3/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Các mẫu ký hiệu từ Q1 đến Q6 gửi giám định đều là ma túy; loại Methamphetamine; tổng khối lượng của các mẫu gửi giám định là 3,32 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 110,33 gam; loại Methamphetamine.”*

* Căn cứ vào lời khai của Trần Văn Q, Lại Huyền T quá trình điều tra mở rộng vụ án, xác định các đối tượng có hành vi liên quan đến vụ án.

Ngày 16/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Sơn La ra Lệnh giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và khám xét khẩn cấp nơi ở đối với Trần Xuân H, sinh năm 1991, trú tại: Tổ 06, phường K, thành phố L, tỉnh N. Quá trình thi hành lệnh giữ, Cơ quan Công an tạm giữ của Hoàng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu vàng.

Ngày 21/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện M, tỉnh Sơn La ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Văn Q, Lại Huyền T và Trần Xuân H về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Ngày 20/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sơn La ra Lệnh giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, khám xét khẩn cấp nơi ở đối với Nguyễn Văn V, sinh năm 1987, trú tại: thôn T, xã B, thành phố L, tỉnh N. Quá trình khám xét, Cơ quan Công an thu giữ tại vị trí gầm tủ trong buồng ngủ nhà Hải 01 vỏ túi nilon màu xanh dương, 02 vỏ túi nilon màu xanh đen, 01 ống thủy tinh hình chữ L, 01 mảnh giấy bạc.

Ngày 26/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sơn La ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn V; Trần Thị P2, sinh năm 1990, trú tại: thôn E, xã P, thành phố L, tỉnh N và Hạng Páo D, sinh năm 1998, trú tại: Bản PĐ, xã LS, huyện M, tỉnh Sơn La về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Ngày 29/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sơn La ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Tráng Thị N1, sinh ngày

06/11/2006, trú tại bản PC, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Thời điểm thi hành các Quyết định, Lệnh trên, Tráng Thị N1 không có mặt tại địa phương. Ngày 02/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sơn La ra Quyết định số: 871/TN-CSMT-Đ4 truy nã đối với Tráng Thị N1. Đến ngày 03/8/2024, Tráng Thị N1 bị Cơ quan điều tra bắt theo Quyết định truy nã. Quá trình bắt, thu giữ của Tráng Thị N1 02 điện thoại di động lần lượt mang nhãn hiệu NOKIA và Iphone 6 Plus.

Quá trình điều tra các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1, Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V và Trần Thị P2 khai nhận:

(1). Hành vi mua bán trái phép chất ma túy xảy ra vào ngày 02/9/2023 giữa Hạng Páo D và Nguyễn Văn V, Trần Văn Q, Trần Thị P2.

Trần Văn Q có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Văn V và biết Hải là đối tượng có sử dụng ma túy nên đã nảy sinh ý định nhờ Hải dẫn đi mua hồng phiến về sử dụng và bán kiếm lời.

Khoảng 19 giờ ngày 01/9/2023, Trần Văn Q rủ chị gái là Trần Thị P2 cùng đi gặp Nguyễn Văn V nói là có việc. Trên đường đi Q gọi điện thì được biết V đang ngồi uống bia ở quán gần nhà và hẹn Q đến đó. Khi đến quán bia, P2 đứng bên kia đường đợi còn Q vào gặp và đưa cho V số tiền 10.000.000 đồng nhờ V dẫn đi mua hồng phiến, xong việc Quyền sẽ cho V sử dụng ma túy và trả công bằng hồng phiến, V nhất trí và bảo Q điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 90B2-229.07 chở V. P2 thấy Q và V chuẩn bị đi chuyển nên hỏi xin đi cùng, V nói đi lên M mua hồng phiến, P2 đồng ý và điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Airblade của Phương đi theo sau.

Khoảng 01 giờ ngày 02/9/2023, V chỉ đường cho Q và P2 vào nhà bạn là Hạng Páo D, ở bản PĐ, xã LS, huyện M, tỉnh Sơn La. Khi đến nơi, chỉ có vợ D là Tráng Thị N1 và 02 con đang ngủ. V bảo N1 gọi điện nhưng D bảo đang đi chơi không về nên Q, V và P2 ngủ lại. Quá trình nói chuyện tại nhà D, Q có xin số điện thoại và địa chỉ Facebook của N1 để sau này liên lạc.

Khoảng 08 giờ ngày 02/9/2023, D điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave RXS BKS 26G1-368.07 về nhà. V giới thiệu với D có hai khách đến mua hồng phiến và đưa cho D số tiền 10.000.000 đồng. D nói hiện tại không có ma túy và sẽ dẫn đi mua nhưng D không đồng ý đi cùng V mà bảo đi cùng Q hoặc P2, thấy vậy, P2 bảo sẽ đi cùng. D điều khiển xe máy trên chở P2 đến khu vực bản Pa KN, huyện SB, tỉnh HP, Lào (giáp ranh với bản CT, xã KH, huyện M, tỉnh Sơn La). Trên đường di chuyển, D và P2 thống nhất sẽ mua hồng phiến loại 2.300.000 đồng/01 túi, 10.000.000 đồng sẽ mua được 04 túi (2.300.000 đồng x 04 túi = 9.200.000 đồng). Khi đến nơi, D vào nhà một người đàn ông quốc tịch Lào, qua trao đổi mua bán, D mua được của người đàn ông trên 04 túi hồng phiến (gồm 03 túi vỏ màu xanh, 01 túi vỏ màu hồng) với giá 9.500.000 đồng và được cho thêm 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa 03 viên hồng phiến để dùng thử. D đưa túi ma túy và 500.000 đồng tiền thừa cho P2. P2 cầm túi ma túy và đưa tiền thừa lại

cho D. Sau khi nhận ma túy, P2 đi ra xe đò, người đàn ông quốc tịch Lào đưa cho D 3.500.000 đồng tiền công, D điều khiển xe máy chở P2 quay về nhà. Khi đến nhà, V hỏi mua được mấy túi hồng phiến, D nói mua được 04 túi. Sau đó, V điều khiển xe máy Exciter chở Phương cầm theo túi ma túy.

Khi đến khu vực đèo Đá trắng thuộc huyện TL, tỉnh HB. V bảo P2 gọi Q dừng xe để sử dụng ma túy. Tại chỗ nghỉ, P2 đưa cho Q túi nilon đen chứa ma túy vừa mua được. Q mở ra thấy số ma túy như D đã mua, Q lấy 03 viên hồng phiến trong gói nilon màu trắng được cho thêm và khoảng 10 viên hồng phiến trong một túi nilon màu xanh ra cùng V sử dụng bằng hình thức đốt hít, số ma túy còn lại Q cất trong túi quần. Sau khi sử dụng xong ma túy, Hải điều khiển xe máy về trước, Q chở P2 đi theo sau. Quá trình D cùng V, Q và P2 trao đổi mua bán ma túy, Tráng Thị N1 đều không được chứng kiến và không có liên quan đến các hành vi này.

Khoảng 14 giờ ngày 02/9/2023, V về nhà trước, Q chở P2 về sau cũng đến nhà V. Tại đây, Q đi vào thấy V đang nằm trên giường trong buồng ngủ, Q lấy túi nilon màu xanh chứa hồng phiến vừa dùng dở để trên mặt đệm bảo V thử kiểm tra chất lượng còn Q ngồi chơi điện thoại. V đổ toàn bộ số hồng phiến trong túi trên ra mảnh giấy bạc rồi lấy bật lửa ga và ống điều tự chế để chuẩn bị sử dụng (công cụ để sử dụng có sẵn từ trước tại nhà V) thì P2 đi vào bảo Q đi về nhà nhưng Q không về nên P2 bỏ đi. Sau khi P2 về, V lấy khoảng 10 viên hồng phiến ra dùng thử rồi đi tắm. Trong lúc V đi tắm, Q tự lấy khoảng 20 viên ra sử dụng (bằng số công cụ V sử dụng trước đó), V không biết. Sau khi V tắm xong đi ra, Q bảo V cất số hồng phiến còn lại, V đổ số viên hồng phiến trên mảnh giấy bạc vào túi nilon xanh cất trong túi áo treo trên tường trong phòng ngủ rồi đi ra ngoài. Trong lúc V đi ra ngoài, Q đã lấy các viên hồng phiến trong túi V vừa cất san đều sang 03 túi hồng phiến vừa mua mục đích để bán lại và để lại cho V khoảng 30 viên rồi cất vào vị trí cũ.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, có một người nam giới tên TU gọi điện cho Q hỏi mua 10 viên hồng phiến và hẹn gặp nhau tại khu vực cây đề thuộc thôn 6, xã P, thành phố L để giao dịch mua bán ma túy, Q nhất trí và báo giá 800.000 đồng. Khi V quay về, Q lấy trong túi nilon màu xanh cất trong túi áo treo trên tường ra 10 viên hồng phiến rồi nhặt mảnh nilon có sẵn trong nhà gói lại rồi bảo V chở đi bán ma túy cho khách, V điều khiển xe chở Q đến chỗ hẹn, tại đây Q đưa gói nilon chứa hồng phiến cho TU và nhận lại 800.000 đồng. Sau khi bán được ma túy, V và Q đi ăn tối rồi quay về nhà V, tại đây, V lấy số ma túy cất giấu trước đó ra sử dụng thì thấy còn ít khoảng 20 viên, Q nói đó là ma túy trả công cho V, khoảng 21 giờ cùng ngày, P2 đến đón Q về nhà. Đối với số ma túy gồm 03 túi hồng phiến còn lại, Q đã bán cho TU 02 lần, mỗi lần 10 viên với giá 800.000 đồng, thu lợi 1.600.000 đồng, số còn lại Q sử dụng hết cho bản thân.

Quá trình điều tra, đã tiến hành cho các bị cáo nhận dạng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Trần Văn Q và Lại Huyền T (kết luận giám định ma túy là Methamphetamine), kết quả nhận dạng: Các bị cáo xác định vật chứng thu giữ khi

bắt quả tang là loại ma túy các bị cáo đã thực hiện trao đổi mua bán ngày 02/9/2023.

Trong lần thực hiện hành vi mua bán ma túy trên, các bị cáo đã thực hiện hành vi trao đổi mua bán trái phép 04 túi Methamphetamine và 03 viên Methamphetamine. Tính quy kết khối lượng ma túy các bị cáo phải chịu trách nhiệm theo khối lượng của túi thấp nhất khi thu giữ quả tang là 175 viên = 15,7 gam. Tính trung bình 01 viên theo túi thấp nhất có khối lượng: $15,7 : 175 = 0,09$ gam. Do vậy, khối lượng 04 túi là $15,7 \times 4 = 62,8$ gam; khối lượng 03 viên là $03 \times 0,09 = 0,27$ gam. Tổng khối lượng ma túy Methamphetamine các bị cáo Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 phải chịu trách nhiệm hình sự là: 63,07 gam.

(2). Hành vi mua bán ma túy giữa Trần Văn Q, Lại Huyền T, Trần Xuân H và Tráng Thị N1.

Khoảng thời gian trước Tết Nguyên đán năm 2024, Trần Văn Q nhắn tin Zalo cho Trần Xuân H nói có thể tìm mua được ma túy hồng phiến, H đưa cho Q 2.500.000 đồng và nhờ Q mua giúp. Q gọi điện cho Tráng Thị N1 đặt mua hồng phiến, N1 nói không có nên Q chưa mua được ma túy và đã tiêu hết số tiền H đưa.

Ngày 10/3/2024, Q gọi điện cho H thông báo sẽ lên huyện M mua 05 túi hồng phiến, H bảo Q mua về và H sẽ có trách nhiệm bán, lãi sẽ chia nhau. Ngày 14/3/2024, Q nhắn tin Zalo với Lại Huyền T rủ T cùng lên huyện M, tỉnh Sơn La mua 05 túi hồng phiến về bán kiếm lời. T đồng ý và hai bên thống nhất T cầm cố điện thoại Iphone 12 Pro Max của T để góp tiền, còn Q sẽ lo phần còn thiếu để đủ tiền mua số hồng phiến như dự kiến. Sau khi thống nhất với T, khoảng 20 giờ cùng ngày, Q nhắn tin cho H thông báo việc ngày 15/3/2024 sẽ cùng T lên huyện M mua 05 túi hồng phiến và cần số tiền 10 triệu, Q nói lại việc T sẽ cầm cố điện thoại và bảo H nếu còn thiếu thì chuyển tiền thêm và cho Q mượn xe máy để đi mua ma túy, H nhất trí. Sau khi trao đổi với Q, H đến gặp Ngô Trung H3 hiện trú tại tổ 02, phường HP, thành phố L, tỉnh N hỏi mượn xe máy nhãn hiệu HONDA Airblade BKS 90B2-343.15 để cho Q đi mua hồng phiến, H3 nhất trí. H điều khiển xe máy trên đến quán cắt tóc của Lâm Văn L, địa chỉ tại số 402, đường Trần Hưng Đ, thành phố L gửi nhờ và nói ngày 15/3/2024 sẽ có bạn của H đến lấy.

Sáng ngày 15/3/2024, T nói đang ở tỉnh Đ và không có tiền đi xe khách lên thành phố L, tỉnh N. Q gọi điện bảo H chuyển vào tài khoản cho T 200.000 đồng để lấy tiền đi xe, H nhất trí. Khoảng 11 giờ ngày 15/3/2024, H gọi điện bảo Q đến quán cắt tóc của L lấy xe máy. Sau khi lấy được xe, Q đến cầu vượt LT, thành phố L đón T. Trên đường đón T, Q gọi điện hỏi Hoàng có biết quán cầm đồ điện thoại được giá cao không, H bảo Q đến khu vực đầu đường chùa CX, thuộc tổ 02, phường HP sẽ có người dẫn đi cầm cố điện thoại. Sau đó H gọi điện cho H3 bảo đến đường CX dẫn bạn của H đi cầm cố điện thoại lấy tiền mua hồng phiến, xong việc H sẽ trả công cho H3 bằng hồng phiến, H3 đồng ý. Khi Q, T đến chỗ hẹn gặp H3 và được H3 dẫn đến quán cầm đồ VM do Lại VM làm chủ, địa chỉ tại tổ 02, phường HP. Tại đây, T cầm cố được chiếc điện thoại Iphone 12 Promax với giá 9.000.000 đồng, do vẫn chưa đủ tiền nên Q gọi điện bảo H chuyển vào tài khoản

của Lê VM 1.500.000 đồng để đủ 10.000.000 đồng mua hồng phiếu và 500.000 đồng làm chi phí đi lại, H nhất trí. Sau khi nhận thấy tài khoản có người chuyển tiền, VM đưa cho Q tổng 10.500.000 đồng. T cất số tiền trên vào trong cốp xe sau đó Q điều khiển xe BKS 90B2-343.15 chở T lên nhà Tráng Thị N1 tại bản PĐ, xã LS, huyện M. Sau khi Q và T lên huyện M, Trần Xuân H gọi điện cho bạn tên là HY (biệt danh HK) đặt vấn đề sẽ bán 03 túi hồng phiếu cho HY với giá 10.000.000 đồng, HY đồng ý.

Trên đường di chuyển, Q gọi điện cho N1 thông báo đang lên huyện M và bảo N1 mua hộ 05 túi hồng phiếu, N1 đồng ý. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến nhà N1, Q đưa 10.000.000 đồng cho N1 và bảo N1 cố mua giúp 06 túi hồng phiếu nếu thiếu tiền về Q sẽ chuyển khoản trả sau. N1 gọi điện qua Messenger cho một người phụ nữ quốc tịch Lào quen từ trước qua mạng xã hội hỏi mua 06 túi hồng phiếu, người phụ nữ nhất trí và bảo N1 đến khu vực đường biên giới Việt Nam - Lào thuộc bản Pha KN, huyện SB, tỉnh HP, Lào (giáp ranh với bản CT, xã KH, huyện M, tỉnh Sơn La) để giao dịch mua bán ma túy. Sau khi trao đổi xong, N1 bảo sẽ dẫn Q sang Lào để Q trực tiếp giao dịch mua ma túy.

Sau đó Q điều khiển xe máy BKS 90B2-343.15 chở N1 đến chỗ hẹn, khi đến khu vực gần đường biên giới (không rõ địa giới hành chính) thì gặp tổ công tác Bộ đội Biên phòng đang đi tuần tra, do lo sợ bị lực lượng chức năng phát hiện, Q đi xe máy quay về còn N1 tiếp tục đi bộ một mình sang bản Pa KN thì gặp người phụ nữ bán ma túy và trao đổi mua bán được 06 túi hồng phiếu với giá 6.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, trên đường đi bộ quay về N1 gọi điện cho Q thông báo đã mua được hồng phiếu và bảo Q đợi cùng về. Khi đến vị trí Q đang đứng chờ, N1 đưa túi nilon màu trắng bên trong chứa hồng phiếu cho Q và bảo mua được 06 túi, Q nhận túi ma túy rồi chở N1 về nhà, sau đó Q điều khiển xe chở T quay về tỉnh N. Trên đường di chuyển Q đưa túi ma túy mua được cho T cất giữ và bảo mua được 06 túi hồng phiếu và dặn T nếu thấy Q tắt đèn xe thì nghĩa là có lực lượng chức năng làm việc thì T vứt túi ma túy đi, T đồng ý. Khi Q và T đến khu vực bản KH, xã KH, huyện M thì bị tổ công tác Công an huyện M phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Trong lần thực hiện hành vi trên, Trần Xuân H bàn bạc, góp tiền và thống nhất mua bán với Trần Văn Q 05 túi hồng phiếu. Việc Trần Văn Q trong quá trình trực tiếp giao dịch mua bán đã tự ý mua thêm 01 túi hồng phiếu, H không biết. Trần Xuân H phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng ma túy tương đương với 05 túi. Tính quy kết khối lượng ma túy theo khối lượng của 05 túi thấp nhất khi thu giữ quả tang tổng là 89,6 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 156/CT-VKS-P1 ngày 06/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1 về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 về tội: Tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1, Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 đều khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng quyết định truy tố, các bị cáo không khai báo gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Ngô Trung H3 xác nhận anh chỉ là người trung gian giữa anh Vũ Thanh N2 là chủ sở hữu chiếc xe máy để anh N2 cầm chiếc xe máy cho Trần Xuân H với giá là 3.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý đối với chiếc xe máy theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo, trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1 phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Tuyên bố các bị cáo Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

1. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm r, điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 90, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 15 (mười lăm) năm tù đến 16 (mười sáu) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn Q được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lại Huyền T từ 13 (mười ba) năm tù đến 14 (mười bốn) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lại Huyền T được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

3. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 90, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Tráng Thị N1 từ 13 (mười ba) năm tù đến 14 (mười bốn) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tráng Thị N1 được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

4. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Xuân H từ 17 (mười bảy) năm tù đến 18 (mười tám) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Xuân H được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

5. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Hạng Páo D từ 16 (mười sáu) năm tù đến 17 (mười bảy) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hạng Páo D được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

6. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 16 (mười sáu) năm tù đến 17 (mười bảy) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn V được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

7. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị P2 từ 16 (mười sáu) năm tù đến 17 (mười bảy) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số: 24/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N. Buộc bị cáo Trần Thị P2 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 20 (hai mươi) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị P2 được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

* Lời bào chữa của Luật sư Nguyễn Bá Linh bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q: Nhất trí về tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố đối với bị cáo; về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo còn trẻ tuổi chỉ học hết lớp 3/12 chưa nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, số lượng ma túy chưa phải đặc biệt lớn, bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự và là người chưa thành niên khi thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm r, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù là 14 (mười bốn) năm tù. Bị cáo không có tài sản và đang sống cùng gia đình không có thu nhập đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

* Lời bào chữa của Luật sư Đàm Mạnh Hùng bào chữa cho bị cáo Tráng Thị N1, Hạng Páo D: Quyết định truy tố các bị cáo Tráng Thị N1, Hạng Páo D về tội danh, điều luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La là đúng quy định của pháp luật, không bị oan sai; Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo N1 còn trẻ tuổi đang cùng bị cáo D nuôi con nhỏ, bản thân bị cáo khi thực hiện hành vi vẫn là người chưa thành niên, hoàn cảnh gia đình kinh tế của hai bị cáo khó khăn nên vì hám lời và chưa có nhận thức đầy đủ, số lượng ma túy chưa phải đặc biệt lớn, bản thân các bị cáo không có tiền án, tiền sự lại là người dân tộc thiểu số. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo. Các bị cáo không có tài sản và hoàn cảnh khó khăn lại đang nuôi con nhỏ không có thu nhập nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

* Lời bào chữa của Luật sư Trần Bích Liên bào chữa cho bị cáo Lại Huyền T, Trần Xuân H: Nhất trí về tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố đối với bị cáo; Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Lại Huyền T chỉ học hết lớp 9/12 còn chưa nhận thức đầy đủ và bị bị cáo Q rủ rê nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bà nội của bị cáo T là người được hưởng chính sách thương binh, giấy khen Gia đình vẻ vang, kỷ niệm chương chiến sỹ Trường Sơn, bị cáo thực hiện hành vi khi chưa đủ 18 tuổi. Bị cáo Trần Xuân H có ông nội là ông Trần Xuân HG là liệt sỹ người có công với cách mạng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Điều 91, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo T mức hình phạt tù 13 năm tù, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo H mức hình phạt tù là 16 năm tù mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập, bị cáo T còn phụ thuộc vào gia đình nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

* Lời bào chữa của Luật sư Lương Ngọc Chiến bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V: Nhất trí về tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố đối với bị cáo; về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác điều tra, về nguyên nhân mục đích do nghiện ma túy muốn có ma túy để sử dụng nên bị cáo V đã bất chấp dẫn đường cho Q và P2 đi mua ma túy. Bị cáo đóng vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Q và P2 do bị Q rủ rê hứa trả công bằng ma túy nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội ngoài ra bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân xấu nhưng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 16 (mười sáu) năm. Bị cáo không có tài sản và thu nhập nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

* Lời bào chữa của Luật sư Đỗ Văn Thuận bào chữa cho bị cáo Trần Thị P2: Nhất trí về tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố đối với bị cáo; về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đóng vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Q và V. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 16 (mười sáu) năm, tổng hợp hình phạt bản án số 24/2024/HSST của Toà án nhân

dân thành phố L, tỉnh N là 20 (hai mươi) năm tù. Bị cáo không có tài sản và đang nuôi con nhỏ nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1, Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa đều xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất. Không có ý kiến tranh luận bổ sung, lời nói sau cùng đều xin giảm nhẹ hình phạt mức án thấp nhất trong khung hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đối đáp lại quan điểm bào chữa của các Luật sư: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã xem xét toàn diện về hành vi, nhân thân, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khối lượng ma túy để đề nghị mức hình phạt phù hợp, tương xứng với khối lượng ma túy mà các bị cáo đã mua bán trái phép. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xét xử theo quy định của pháp luật, không có tranh luận, đối đáp gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong quá trình điều tra; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào ngày 02/9/2023, Hạng Páo D đã bán trái phép 63,07 gam ma túy loại Methamphetamine cho Nguyễn Văn V, Trần Văn Q, Trần Thị P2, thu lợi bất chính 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Sau khi mua lại ma túy từ Hạng Páo D, Trần Văn Q đã bán trái phép cho người khác thu lợi bất chính 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng, số còn lại Q và V sử dụng hết.

Ngày 15/3/2024, Tráng Thị N1 đã bán trái phép 06 túi Methamphetamine tương đương khối lượng 110,33 gam cho Trần Văn Q và Lại Huyền T, thu lợi bất chính 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Đối với số ma túy mua được, Trần Văn Q thỏa thuận sẽ bán cho Trần Xuân H 05 túi Methamphetamine tương đương khối lượng 89,6 gam.

Khối lượng ma túy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án là: Trần Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng 173,40 gam Methamphetamine; Tráng Thị N1, Lại Huyền T phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng 110,33 gam Methamphetamine; Trần Xuân H phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng 89,6 gam Methamphetamine; Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng 63,07 gam Methamphetamine.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Lại Huyền T lập hồi 21 giờ 30 ngày 15/3/2024 tại bản KH, xã KH, huyện M, tỉnh Sơn La. Vật chứng thu giữ: 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 06 túi nilon (05 túi màu xanh, 01 túi màu hồng) đều chứa các viên nén hình tròn màu hồng.

Lời khai của bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T khai ra Trần Xuân H, những lời khai của bị cáo Trần Văn Q tự thú về hành vi phạm tội của mình chưa bị ai phát hiện và khai ra Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 và Tráng Thị N1.

Biên bản bóc mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, trích mẫu trung cầu giám định vào hồi 03 giờ 20 ngày 16/3/2024.

Kết luận giám định số: 709/KL-KTHS ngày 19/3/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Các mẫu ký hiệu từ Q1 đến Q6 gửi giám định đều là ma túy; loại Methamphetamine; tổng khối lượng của các mẫu gửi giám định là 3,32 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 110,33 gam; loại Methamphetamine.”*

Phù hợp với các biên bản cho các bị cáo nhận dạng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Trần Văn Q và Lại Huyền T (kết luận giám định ma túy là Methamphetamine), kết quả nhận dạng: Các bị cáo xác định vật chứng thu giữ khi bắt quả tang là loại ma túy các bị can đã thực hiện trao đổi mua bán ngày 02/9/2023. Kết quả tính quy kết khối lượng ma túy các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn V, Hạng Páo D, Trần Thị P2 phải chịu trách nhiệm theo khối lượng của túi thấp nhất khi thu giữ quả tang là 175 viên = 15,7 gam. Tính trung bình 01 viên theo túi thấp nhất có khối lượng: $15,7 : 175 = 0,09$ gam. Do vậy, khối lượng 04 túi là $15,7 \times 4 = 62,8$ gam; khối lượng 03 viên là $03 \times 0,09 = 0,27$ gam. Tổng khối lượng ma túy Methamphetamine các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn V, Hạng Páo D, Trần Thị P2 phải chịu trách nhiệm hình sự là: 63,07 gam.

Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 và Hạng Páo D; Quyết định truy nã, Biên bản bắt người bị truy nã Tráng Thị N1; Biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng; Biên bản bóc mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, trích mẫu trung cầu giám định; Kết luận giám định về chất ma túy đối với vật chứng thu giữ của các bị cáo.

Lời khai nhận tội của các bị cáo, Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1, Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến sự việc các bị cáo bị bắt giữ cùng vật chứng thu giữ; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Từ các căn cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1 phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy vi phạm tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy vi phạm điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Trần Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng 173,40 gam Methamphetamine, bị cáo Tráng Thị N1, Lại Huyền T phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng 110,33 gam Methamphetamine. Hành vi của các bị cáo Trần Văn Q, Tráng Thị N1, Lại Huyền T thuộc tình tiết định khung hình phạt “*Methamphetamine có khối lượng 100 gam trở lên*” được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có mức khung hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Các bị cáo Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng 63,07 gam Methamphetamine; Bị cáo Trần Xuân H phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng 89,6 gam Methamphetamine. Hành vi của các bị cáo Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2, Trần Xuân H thuộc tình tiết định khung hình phạt “*Methamphetamine có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*”, được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có mức khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

[4] Về vai trò phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong vụ án bị cáo Trần Văn Q là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo các bị cáo Trần Xuân H, Lại Huyền T, Nguyễn Văn V và Trần Thị P2 cùng nhau phạm tội. Bị cáo Trần Văn Q là người chủ động tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo Nguyễn Văn V, Lại Huyền T, Trần Thị P2 giúp sức với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn Q. Các bị cáo phạm tội trong vai trò đồng phạm cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị Trần Xuân H, Lại Huyền T, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2. Các bị cáo Tráng Thị N1, Hạng Páo D phạm tội với vai trò độc lập.

Bị cáo Trần Văn Q phải chịu trách nhiệm về mua bán trái phép 173,40 gam Methamphetamine, các bị cáo Tráng Thị N1, Lại Huyền T phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép 110,33 gam Methamphetamine.

Các bị cáo Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V và Trần Thị P2 đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái

phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Các bị cáo Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép 63,07 gam Methamphetamine; bị cáo Trần Xuân H phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép 89,6 gam Methamphetamine.

Hành vi phạm tội của của bị cáo Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V và Trần Thị P2, Trần Văn Q, Tráng Thị N1, Lại Huyền T thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy là một trong những nguyên nhân làm lây lan phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Nhân thân: Xét nhân thân các bị cáo Trần Thị P2, Trần Xuân H, Nguyễn Văn V có nhân thân xấu, trong đó bị cáo Trần Thị P2 có 01 tiền án và hiện đang chấp hành một bản án khác, bị cáo Nguyễn Văn V từng bị xử phạt vi phạm hành chính 04 (bốn) lần, trong đó có 02 (hai) tiền sự chưa được xóa tiền sự, bị cáo Trần Xuân H có 01 (một) tiền sự . Các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1, Hạng Páo D phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thị P2 có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn Q mua bán trái phép chất ma túy cho người khác nhiều lần và rủ rê Lại Huyền T là người dưới 18 tuổi phạm tội, đây là những tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” được quy định tại điểm g, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lại Huyền T, Tráng Thị N1, Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1, Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Trần Thị P2 thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Nguyễn Văn V, Hạng Páo D đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện, bắt giữ những đối tượng liên quan đến vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án; Các bị cáo Trần Xuân H, Tráng Thị N1, Trần Thị P2 tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Xuân H có ông nội là ông Trần Xuân HG được công nhận là Liệt sỹ, bị cáo được Chủ tịch UBND huyện B tặng danh hiệu Lao động tiên tiến đã có thành tích trong phong trào thi đua yêu nước năm 2023 của huyện B; Bị cáo Tráng Thị N1 có ông nội là ông Tráng A S được tặng thưởng Huân chương kháng chống Mỹ cứu nước hạng ba; Bị cáo Nguyễn Văn V có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng; Bị cáo Lại Huyền T có bà

ngoại là thương binh và gia đình chiến sỹ vẻ vang, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trần Xuân H, Tráng Thị N1, Nguyễn Văn V, Lại Huyền T được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhân thân các bị cáo Hạng Páo D, Tráng Thị N1 là dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa hiểu biết pháp luật còn hạn chế là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo Trần Văn Q, Tráng Thị N1, Lại Huyền T thuộc trường hợp người phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi (người chưa thành niên) nên nhận thức còn hạn chế. Khi lượng hình đối với các bị cáo phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi phạm tội và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Các bị cáo là người chưa thành niên phạm tội áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự để đưa ra mức án phù hợp đối với các bị cáo Trần Văn Q, Tráng Thị N1, Lại Huyền T thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật.

Các bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nay xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi ngoài xã hội một thời gian, cần lên một mức án tương xứng với vai trò phạm tội của từng bị cáo; Khi lượng hình cần phải căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo và khối lượng ma túy để đưa ra mức án phù hợp với từng hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, biện pháp trừng trị, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo Trần Thị P2 đang chấp hành Bản án số: 24/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nay buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án, áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[6] Các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1, Trần Xuân H, Nguyễn Văn V đang bị tạm giam, Hội đồng xét xử xét thấy thời hạn tạm giam các bị cáo còn dưới 45 ngày tiếp tục tạm giam các bị cáo trong hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, vận dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Hạng Páo D đang bị tạm giam trong vụ án khác, bị cáo Trần Thị P2 đang chấp hành Bản án số: 24/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy và theo Quyết định Thi hành án phạt tù của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù, các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1, Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V và Trần Thị P2 còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy Các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1 là người phạm tội dưới 18 tuổi, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 không có tài sản, thu nhập không ổn định, không có điều kiện kinh tế để thi hành không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Đối với các đối tượng khác liên quan đến vụ án:

Nguồn gốc 06 túi Methamphetamine khối lượng 110,33 gam, Tráng Thị N1 khai nhận mua được của một đối tượng nữ giới quốc tịch Lào không quen biết. Do vậy ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan điều tra không có căn cứ mở rộng điều tra vụ án là có căn cứ.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Văn Q và Nguyễn Văn V ngày 02/9/2023. Nguồn gốc số ma túy Nguyễn Văn V sử dụng trong ngày 02/9/2023 (lần 1 tại khu vực Đèo Đá trắng tỉnh HB, lần 2 tại nhà V) được xác định là phần trả công do Trần Văn Q đã hứa nếu V dẫn Q đi lên huyện M mua ma túy, sau khi mua được sẽ cho V cùng sử dụng. Hành vi lấy ma túy hồng phiến ra cùng V sử dụng (lần 1) và để túi ma túy ra đệm bảo V sử dụng kiểm tra thử chất lượng (lần 2) của Trần Văn Q không phải là hành vi cung cấp chất ma túy cho người khác sử dụng, không cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Việc Trần Văn Q sử dụng ma túy tại nhà của V, thời điểm Q sử dụng ma túy V không cùng tham gia, không chứng kiến; trước khi sử dụng Q cũng không xin phép ý kiến của V. Do vậy, Nguyễn Văn V không phạm tội Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Đối với Ngô Trung H3, sinh năm 1985, trú tại tổ 09, phường Trần Hưng Đ, thành phố L, tỉnh N (chỗ ở hiện tại: Tổ 02, phường HP, thành phố L, tỉnh N) là người Trần Xuân H mượn xe máy BKS 90B2-343.15 cho Trần Văn Q làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và là người H nhờ dẫn Q đến quán cầm đồ để cầm cố điện thoại lấy tiền mua hồng phiến, được H hứa hẹn trả công bằng ma túy. Quá trình trình điều tra, triệu tập khi lời khai, H3 khai nhận xe máy trên là của Vũ Thanh N3, sinh năm 1994, trú tại tổ 04, phường Trần Hưng Đ, thành phố L, tỉnh N. Khoảng thời gian trước tết Nguyên đán năm 2024, N2 đã nhờ H3 cầm cố cho Trần Xuân H lấy số tiền 3.000.000 đồng (cầm cố không có giấy tờ). Từ thời gian đó đến nay xe máy được H để nhờ tại nhà trọ của H3 và do H3 quản lý. H3 không thừa nhận việc biết H mượn xe máy để cho người khác đi mua ma túy, không thừa nhận việc được H nhờ dẫn Q đi cầm cố điện thoại lấy tiền mua ma túy và không được H hứa hẹn trả công bằng hồng phiến. Ngày 05/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành đối chất giữa bị cáo Trần Xuân H và Ngô Trung H3, kết quả H và H3 giữ nguyên lời khai. Do vậy, ngoài lời khai của bị cáo không có căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với Ngô Trung H3 là có căn cứ.

Đối với người đàn ông tên HY (Biệt danh HK), xác định tên đầy đủ là Nguyễn Quốc HY, sinh năm 1987, trú tại thôn ĐF, xã YN, thị xã DT, tỉnh N; là người Trần Xuân H khai nhận sẽ mua 03 túi hồng phiến của H với giá 10.000.000 đồng. Quá trình điều tra, ghi lời khai, HY không thừa nhận việc có trao đổi mua bán 03 túi hồng phiến với Trần Xuân H. Ngày 03/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành cho Trần Xuân H và Nguyễn Quốc HY đối chất, kết quả H và HY giữ nguyên lời khai. Do vậy, ngoài lời khai của bị cáo

không có căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Quốc HY là có căn cứ.

Đối với Lâm Văn L, sinh năm 1988, trú tại tổ 02, phường HP, thành phố L, tỉnh N là chủ quán cắt tóc Trần Xuân H gửi nhờ xe máy để Q đến lấy. Quá trình điều tra xác định L không biết và không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy trong vụ án. Do đó không có căn cứ xử lý hình sự đối với Lâm Văn L.

Nguồn gốc 63,07 gam Methamphetamine các bị cáo Hạng Páo D, Nguyễn Văn V, Trần Thị P2 đã trao đổi mua bán, Hạng Páo D khai nhận mua được của một đối tượng người đàn ông quốc tịch Lào trú tại bản Pa KN, huyện SB, tỉnh HP, Lào. Do vậy ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan điều tra không mở rộng điều tra là có căn cứ.

Đối với người đàn ông tên TU, khoảng 30 tuổi, trú tại thôn E, xã P, thành phố L, tỉnh N. Trần Văn Q khai nhận trong tháng 09, 10/2023, Q đã 03 lần bán tổng 30 viên Methamphetamine cho TU, thu lợi 1.800.000 đồng. Quá trình điều tra xác định tại địa chỉ trên có đối tượng Nguyễn Văn Y, sinh năm 1987 (tên thường gọi là TU). Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập ảnh Nguyễn Văn Y cho Trần Văn Q nhận dạng, kết quả Q không nhận dạng được đối tượng đã mua ma túy của bị cáo. Do vậy ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan điều tra không mở rộng điều tra là có căn cứ.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với số ma túy do cơ quan điều tra thu giữ của các bị cáo và vật chứng không có giá trị sử dụng, ma túy là hàng quốc cấm Nhà nước cấm lưu hành cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với điện các điện thoại do cơ quan điều tra thu giữ của các bị cáo Trần Văn Q, Trần Xuân H, Tráng Thị N1 là phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội tuyên tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

- 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda - Airblade, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát: 90B2 - 343.15, xác định là phương tiện để trở ma túy. Đây là tài sản do Ngô Trung H3 quản lý, cần tuyên tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade của Trần Thị P2 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra xác định bị cáo không nhớ biển kiểm soát, xe máy do bị cáo mua lại từ một người đàn ông không quen biết năm 2022. Đến khoảng thời gian cuối năm 2023, Trần Thị P2 đã bán xe máy trên cho một người không quen biết với giá 12.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tuyên truy thu giá trị bị cáo đã bán xe máy để tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 90B2-229.07 là phương tiện Nguyễn Văn V sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định, khoảng đầu năm 2022 xe máy trên do V mua lại từ một cửa hàng xe máy cũ không nhớ rõ địa chỉ với giá 16.000.000 đồng. Đến cuối năm 2023, Nguyễn Văn V đã bán xe máy trên cho một đối tượng không quen biết với giá 14.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tuyên truy thu giá trị bị cáo đã bán xe máy để tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 26G1-368.07 là phương tiện Hạng Páo D sử dụng để chở Trần Thị P2 đi mua hồng phiến. Quá trình điều tra xác định, ngày 06/02/2024, D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh N khởi tố bị cáo về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy trong một vụ án khác, xe máy nêu trên đã bị Công an tỉnh N thu giữ để giải quyết theo quy định pháp luật. Do đó không có căn cứ xử lý vật chứng đối với tài sản nêu trên.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax Lại Huyền T cầm cố lấy tiền để góp đi mua ma túy. Quá trình điều tra xác định, chiều ngày 16/3/2024 sau khi không thấy Trang đến chuộc điện thoại, Lại Văn Mùi đã bán cho một người đàn ông không quen biết. Do đó không có căn cứ xử lý vật chứng đối với tài sản nêu trên.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1, Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V và Trần Thị P2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật, vận dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, điểm r, điểm t khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 16/3/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn Q được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

2. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lại Huyền T phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lại Huyền T 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 16/3/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lại Huyền T được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

3. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Tráng Thị N1 phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Tráng Thị N1 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị bắt, tạm giữ tạm giam là ngày 03/8/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tráng Thị N1 được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

4. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân H phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân H 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị bắt, tạm giữ tạm giam là ngày 16/3/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Xuân H được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

5. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hạng Páo D phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Hạng Páo D 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị bắt, tạm giữ tạm giam ở vụ án khác kể từ ngày bị tạm giữ là ngày 02/02/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hạng Páo D được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

6. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị bắt, tạm giữ tạm giam là ngày 21/7/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn V được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

7. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị P2 phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Trần Thị P2 16 (mười sáu) năm tù; Tổng hợp với phần hình phạt 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy tại Bản

án hình sự sơ thẩm số: 24/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N. Buộc bị cáo Trần Thị P2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 17/12/2023 tại Bản án số: 24/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị P2 được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

8. Về vật chứng vụ án và tài sản liên quan: Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử lý vật chứng vụ án *(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/01/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La) như sau.*

8.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng vụ: Trần Văn Q và Lại Huyền T, bắt ngày 15/3/2024 (1128 viên = 107,01 gam viên nén màu hồng, nghi là chất ma túy cùng vỏ gói niêm phong ban đầu)”. Mặt sau dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số 076657, trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia, chữ ký và họ tên của người bị bắt, 03 hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện M. 01 (Một) vỏ phong bì niêm phong ban đầu.

- 01 (Một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, mặt trước ghi: “Vật chứng thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở Nguyễn Văn V ngày 20/7/2024”. Mặt sau dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số 060470, trên giấy niêm phong có chữ ký và họ tên của các thành phần tham gia, 02 hình dấu đỏ của Công an xã B, thành phố L, tỉnh N (Bên trong phong bì niêm phong: 01 vỏ túi nilon màu xanh dương, 02 vỏ túi nilon màu xanh đen, 01 ống thủy tinh hình chữ L có chiều dài x rộng là 4 x 7 cm, 01 mảnh giấy bạc). Xét các vật trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (Một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, mặt trước ghi: “Test thử ma túy của Trần Văn Q ngày 16/3/2024; Kết Quả: Dương tính”. Mặt sau dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số 076728, trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia, chữ ký và họ tên của người bị bắt, 03 hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện M.

- 01 (Một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, mặt trước ghi: “Test thử ma túy của Lại Huyền T ngày 16/3/2024; Kết Quả: Âm tính”. Mặt sau dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số 076729, trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia, chữ ký và họ tên của người bị bắt, 03 hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện M.

- 01 (Một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, mặt trước ghi: “Test thử ma túy đối với Trần Xuân H, Sinh năm: 1991, ngày 16/3/2024. Kết quả: Dương tính”. Mặt sau dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số 076659, trên giấy niêm

phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia, chữ ký và họ tên của người bị bắt, 03 hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện M.

8.2. Tịch thu, sung nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S, vỏ màu trắng vàng, bên trong gắn 01 sim điện thoại, đã qua sử dụng (thu giữ của Trần Văn Q). Tại thời điểm giao, nhận không kiểm tra được thông tin, seri, Imei và tình trạng hoạt động của chiếc điện thoại do đã hết pin, không bật được nguồn; Hai bên giao, nhận đã niêm phong chiếc điện thoại kèm sim vào một phong bì để bảo quản theo quy định.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, vỏ màu đen trong gắn 02 sim điện thoại, đã qua sử dụng (thu giữ của Trần Văn Q, thời điểm giao, nhận không kiểm tra được thông tin, seri, Imei và tình trạng hoạt động của chiếc điện thoại do đã hết pin, không bật được nguồn; Hai bên giao, nhận đã niêm phong chiếc điện thoại kèm sim vào một phong bì để bảo quản theo định.

- 01 (Một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng thu giữ của Trần Xuân H bắt ngày 16/3/2024 (01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro vỏ màu vàng cùng vỏ gói niêm phong ban đầu”. Mặt sau dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số 076637, trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký và họ tên của các thành phần tham gia, chữ ký và họ tên của người bị bắt, 03 hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện M.

- 01 (Một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, mặt trước phong bì “Vật chứng điện thoại nhãn hiệu Nokia thu giữ ngày 03/8/2024 của: Tráng Thị N1; Sinh năm: 2006; trú tại bản PC, xã L, huyện M. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy”. Mặt sau phong bì dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số 060438, trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký và họ tên của các thành phần tham gia, 02 hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La.

- 01 (Một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng điện thoại nhãn hiệu Iphone 6plus thu giữ ngày 03/8/2024 của: Tráng Thị N1; Sinh năm: 2006; trú tại bản PC, xã L, huyện M. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy”. Mặt sau phong bì dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số 060439, trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký và họ tên của các thành phần tham gia, 02 hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La.

8.3. Tuyên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda - Airblade, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát: 90B2 - 343.15, số khung: RNHJF6308FZ606653, số máy: JF63E -1123583, xe không có gương bên phải, không có chìa khóa, đã qua sử dụng. Tại thời điểm giao, nhận không kiểm tra thiết bị, máy móc, bên trong và tình trạng hoạt động của chiếc xe; Hai bên giao, nhận đã niêm phong một số vị trí (phần đầu xe, máy móc, thân xe) để bảo quản theo quy định.

8.4. Tuyên truy thu tịch thu sung nộp Ngân sách Nhà nước số tiền do phạm tội mà có của bị cáo Hạng Páo D 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng chẵn) tiền

NHNN Việt Nam, của bị cáo Tráng Thị N1 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng chẵn) tiền NHNN Việt Nam, của bị cáo Trần Văn Q 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) tiền NHNN Việt Nam.

Tuyên truy thu giá trị là phương tiện dùng vào việc phạm tội của các bị cáo Trần Thị P2 và bị cáo Nguyễn Văn V chưa thu hồi được, trong đó của bị cáo Trần Thị P2 là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng chẵn) tiền NHNN Việt Nam, của bị cáo Nguyễn Văn V là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng chẵn) tiền NHNN Việt Nam.

9. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1, Trần Xuân H, Hạng Páo D, Nguyễn Văn V và Trần Thị P2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

10. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp, Luật sư của bị cáo Trần Văn Q, Lại Huyền T, Tráng Thị N1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 16/12/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 16/12/2024) theo quy định của pháp luật về quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/12/2024) theo quy định của pháp luật về quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC04-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Luật sư; ĐDHP;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long